

BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU DI TÍCH KIẾN TRÚC AN PHÚ - GIA LAI

NGUYỄN QUỐC MẠNH*

Di tích An Phú (Pleiku - Gia Lai) được xác định là kiến trúc Bomong Yang. Bomong Yang là một ngôi tháp bằng gạch có tường bao nằm trên một gò thấp nghiêng thoải dốc hướng xuống vùng bình nguyên Kơđơ rộng lớn. Từ năm 2022 đến nay, di tích đã liên tục được thăm dò, khai quật. Tư liệu phát hiện ở An Phú cho phép bước đầu đi đến nhận định đây là một kiến trúc đền tháp Phật giáo có niên đại ước định vào khoảng thế kỷ VII - VIII đến thế kỷ X, có mối quan hệ với các di tích Phật giáo ở duyên hải Nam Trung Bộ và khu vực.

Phát hiện này đem lại nhận thức mới về mối quan hệ của loại hình kiến trúc tôn giáo ở Tây Nguyên, về lịch sử xuất hiện và phát triển của Phật giáo ở miền cao Trường Sơn - Tây Nguyên; cũng như gợi mở hướng nghiên cứu về vai trò của Phật giáo ở miền đất này, ở Tây Nguyên và khu vực.

Từ khóa: kiến trúc tôn giáo, Phật giáo, kho thiêng, Duyên khởi, Ye dharma hetu, Mật Tông

Nhận bài ngày: 31/10/2025; *đưa vào biên tập:* 01/11/2025; *phản biện:* 11/11/2025; *duyet đăng:* 25/11/2025

1. GIỚI THIỆU

Tây Nguyên là địa bàn còn lưu dấu nhiều di tích văn hóa cổ mang đậm dấu ấn ảnh hưởng từ nền văn hóa - văn minh Ấn Độ. Bên cạnh nền tảng văn hóa truyền thống đã định hình nên một không gian văn hóa Tây Nguyên có tính đặc thù cao thì những yếu tố văn hóa ngoại sinh này đã góp phần quan trọng vào tiến trình lịch sử hình thành và phát triển và tạo nên tính đa dạng và vô cùng đặc sắc của vùng đất này.

Những phát hiện gần đây thông qua các chương trình nghiên cứu thực địa tại di tích An Phú (Pleiku, Gia Lai), các dấu tích Phật giáo cổ như tượng Bồ Tát chùa Bửu Minh (Biển Hồ, Gia Lai), đầu

tượng Avalokitesvara Hòa Thành hay nhóm phù điêu Phật bằng đất nung ở Ea Trul (Đăk Lăk)... góp phần tích cực vào việc nghiên cứu về lịch sử quá trình xuất hiện cũng như vai trò của Phật giáo ở Tây Nguyên và khu vực.

Với mục tiêu tiếp tục đi sâu tìm hiểu về vấn đề Phật giáo cổ ở Tây Nguyên, trên cơ sở tư liệu mới ở di tích An Phú, bài viết bước đầu đi vào phân tích các đặc trưng loại hình di tích, di vật, nhận diện nội dung văn hóa - tôn giáo. Cụ thể, thông qua nghiên cứu tư liệu, nghiên cứu so sánh để từng bước nhận diện các vấn đề về đặc điểm loại hình di tích, tính chất văn hóa, nội dung tôn giáo, vấn đề niên đại và quan hệ văn hóa của di tích An Phú đặt trong bối cảnh chung của miền đất cao nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và rộng hơn.

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

2. DI TÍCH KIẾN TRÚC CỔ AN PHÚ

2.1. Lịch sử phát hiện và nghiên cứu

Di tích An Phú thuộc thôn 4, phường An Phú, tỉnh Gia Lai), cách trung tâm Pleiku khoảng 7 km về phía đông, nằm bên cạnh QL19. Di tích phân bố trên một khu vực gò thấp địa hình sườn nghiêng của thể đất gò nổi nhẹ tạo thành những phân bậc thấp dần từ tây sang đông. Xen giữa các ngọn đồi là những thung lũng hẹp và các dòng chảy, trong đó dòng chảy chính là suối Cho theo hướng nam - bắc, đến đoạn vượt qua di tích khoảng 200m thì rẽ về hướng đông đổ xuống cánh đồng Pô thuộc bình nguyên rộng lớn.

Di tích An Phú vốn ban đầu được nhận diện là một trong nhiều dấu tích kiến trúc cổ nằm trong cụm di tích tháp Rong Yang (theo cách gọi của Jacques Dournes, 1977), cụm di tích này gồm có các kiến trúc Bomong Yang, Rong Yang và dấu tích gạch cổ do người Pháp ghi nhận vào đầu thế kỷ XX ở khu vực làng Plei Wao. Theo đó, thông tin đầu tiên về dấu tích kiến trúc đền tháp bằng gạch cổ ở đây do Linh mục Martial Jannin mô tả Bomông Yang là một kiến trúc tháp cổ (*Kalan*) bằng gạch còn khá nguyên vẹn khi ông đến Plei Wao vào năm 1906. Những ghi nhận này tiếp tục được Henri Parmentier nhắc lại với hai ngôi tháp ở làng Plei Wao thuộc bình nguyên Kơdơ có tên là Bomông Yang và Rông Yang (Parmentier, 1909: 563-564). Năm 1919, Henri Maspéro đã đến đây và mô tả chi tiết một ngôi tháp gạch đã sụp đổ phần đỉnh chóp có nhắc đến bệ thờ cùng với một pho tượng Phật bằng đồng chỉ còn lại hai bàn chân ở

trong chính điện (Maspéro, 1919: 104-106).

Năm 1928, Jean - Yves Claeys khảo sát di tích Bomong Yang và ghi nhận hiện trạng và khảo tả một tượng nữ thần đang cầu nguyện trong tư thế ngồi vương giả (*lalitasana*) cao khoảng 50cm (Hickey, 1982: 193).

Tuy nhiên, cho đến thập niên 1940 thì ngôi tháp gạch ở đây đã bị phá hủy, chỉ còn lại phần nền gạch rộng khoảng 20m.

Trong chuyên khảo *“Pơ Tao: một lý thuyết về quyền lực của người Jrai ở Đông Dương”* (1977) của Jacques Dournes (1977: 184) thông tin về tình trạng đã bị sụp đổ và gạch bị lấy đi ở kiến trúc “tháp Champa” Rông Yang khi đến Plei Wao vào năm 1966 và xem di tích là biểu hiện cụ thể cho mối quan hệ giữa vùng đất Tây Nguyên với Champa - các kiến trúc Champa trên địa bàn tỉnh Bình Định thời kỳ Vijaya (thế kỷ XI - XIV).

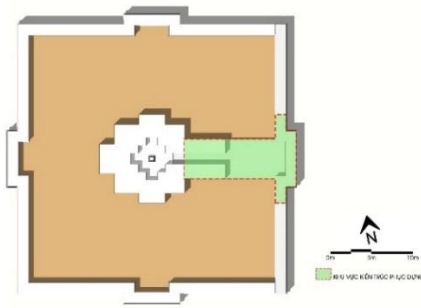
Liên tục trong nhiều thập niên sau đó cho đến cuối thế kỷ XX, do bị đào phá, san lấp khiến cho các phế tích kiến trúc ở An Phú không còn được nhận diện trên hiện trường mà chỉ còn sót lại một số bệ thờ nằm rải rác trong nhà dân, nhà thờ An Phú (Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2025: 44).

Tình trạng di tích nay đã thay đổi rất nhiều so với các ghi chép, mô tả trước đây. Diện mạo di tích cho đến đầu thế kỷ XXI đã thay đổi do bị đào lấy gạch, đá và đất chuyển đi, rồi đến quá trình cải tạo san lấp tái tạo mặt bằng. Trung tâm di tích chỉ còn là khu vực trũng rộng (bắc-nam) khoảng 20 - 22m, thấp hơn khu vực xung quanh khoảng 0,2 -

0,3m ở phía nam và thấp hơn 0,4 - 0,5m so với khu vực phía bắc và phía tây (Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2025: 45).

Từ đầu thế kỷ XXI, di tích được nhiều lần điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng cho đến năm 2022, di tích được Bảo tàng tỉnh Gia Lai đào thám sát lần đầu tiên, làm xuất lộ nền móng của một phế tích đền tháp bằng gạch được bao bọc trong một vòng tường bao hình vuông rộng 32 - 33m mỗi cạnh và nền móng của ngôi đền chính (cạnh rộng 7m).

Hình 1. Hình phục dựng tổng thể nền móng phế tích kiến trúc An Phú



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2024.

Liên tục từ cuối năm 2023 sang đầu năm 2024, di tích đã được thăm dò và khai quật với tổng diện tích 467m² (năm 2023: 237,75m²; năm 2024: 229,25m²). Kết quả khai quật đã làm xuất lộ các cấu phần trong kết cấu nền móng của một kiến trúc đền thờ hoàn chỉnh có kiến trúc chính ở trung tâm được bao quanh bởi một vòng tường bao trong khuôn khổ hình vuông rộng 32 - 33m (Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2025: 46). Đặc biệt, phát hiện rất quan trọng ở kiến trúc An Phú là cấu trúc kho thiêng (*deposite sanstury*) còn nguyên

được tìm thấy nằm bên dưới nền móng kiến trúc chính đã cung cấp nhiều thông tin giúp nhận diện được các vấn đề cơ bản đối với di tích An Phú cũng như các vấn đề có liên quan xoay quanh di tích An Phú trong mối quan hệ giữa miền đất Tây Nguyên với không gian duyên hải nam Trung Bộ và khu vực vào cuối thiên niên kỷ I sang đầu thiên niên kỷ II Công nguyên.

Trên cơ sở đối chiếu kết quả khai quật và tư liệu có liên quan được công bố trước đây, di tích kiến trúc An Phú có nhiều khả năng là kiến trúc Bomong Yang đã được người Pháp nhắc đến (Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2023: 11).

2.2. Đặc điểm loại hình di tích, di vật

2.2.1. Đặc điểm kiến trúc

Di tích An Phú còn lại nền móng của một kiến trúc được xây dựng theo trục đông - tây (đông lệch nam 5°) với một vòng tường bao xung quanh, ở giữa là kiến trúc chính có trung tâm là cấu trúc kho thiêng xây chìm dưới nền móng. Đây là các cấu phần tạo nên một ngôi đền có thống nhất chặt chẽ trong khuôn khổ vòng tường bao ở bên ngoài có bình đồ hình vuông, kiến trúc chính ở giữa với trung tâm là cấu trúc kho thiêng, nơi đặt các vật ký cúng gắn với nghi lễ quan trọng được thực hiện khi xây dựng ngôi đền này.

2.2.1.1. Vòng tường bao

Vòng tường bao là bao quanh ở bên ngoài kiến trúc An Phú, có bình đồ hình vuông (cạnh rộng 32 - 33m), các cạnh của vòng tường bao có đặc điểm thống nhất với nhau, khoảng giữa mỗi cạnh có phần bẻ góc nhô ra ngoài 1,2 - 1,3m

và rộng 6,6 - 6,83m có thể là các cửa/cửa giả ở các hướng.

Hiện trạng vòng tường bao còn lại các cạnh phía bắc, phía tây và phía nam. Trong đó, đoạn tường bao còn trong tình trạng nguyên dạng nhất nằm khu vực góc tây - nam còn lại từ 5 đến 7 lớp gạch. Cạnh phía đông có dấu hiệu bị phá chỉ còn lại một đoạn ngắn móng đá và 1 đến 2 lớp gạch ở góc đông nam trên chiều dài khoảng 5,84m, vị trí gần góc đông - bắc còn lại một cụm đá móng nhỏ. Các cạnh tường còn lại cũng trong tình trạng còn lớp đá móng và phổ biến là 1 - 2 lớp gạch xây trên đó.

Trên cơ sở các đoạn tường đã xuất lộ, có thể xác định vòng tường bao có hình vuông (rộng 32 - 33m), kết cấu móng đá được kê chặt trên bề mặt nền đã được xử lý bằng phẳng. Lớp móng đá dày 0,1 - 0,12m được tạo dựng trên mặt nền sinh thổ đã được xử lý bằng phẳng, sử dụng các khối đá có kích thước trung bình: 15 x 20 x 6cm, được xếp kê chặt với nhau kết hợp với cát hạt thô đầm chặt với nhau tạo bề mặt khá bằng phẳng và có chiều rộng 1,42 - 1,48m. Trên móng đá là kết cấu gồm chân và tường xây bằng gạch.

Chân tường có 4 lớp gạch xây dọc theo biên móng đá ở bên dưới, trong đó lớp thứ 4 ở trên xây giạt cấp vào so với 3 lớp bên dưới 7 - 8cm; phần tường gạch gồm các lớp gạch ở trên được xây khít mí và thẳng hàng, giạt vào so với lớp gạch thứ 4 cũng khoảng 8cm, sử dụng gạch có kích thước lớn (39 - 40cm x 19 - 20 x 6 - 7cm), ngoài ra còn có một số gạch hình vuông (39 - 40cm mỗi cạnh và dày 6 - 7cm).

2.2.1.2. Kiến trúc chính

Kiến trúc chính nằm ở trung tâm vòng tường bao, trong tình trạng bị đào phá khi phần lớn lớp cấu trúc đá của nền móng kiến trúc đã bị đào bóc lấy đi gần hết chỉ còn lại phần không nguyên vẹn của lớp móng đá bên dưới (lớp móng đá 1) vừa chạm đến bề mặt trên của kho thiêng và phần nhỏ hơn ở góc tây nam của lớp móng đá phủ ở trên. Do vậy, cấu trúc kho thiêng bên dưới còn nguyên vẹn.

Hình 2. Hiện trạng một đoạn của tường bao phía tây



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2024.

*** Nền móng đá:** Nền móng đá được xây dựng phủ lên trên bề mặt cấu trúc kho thiêng, có bề mặt đáy nằm ở cao trình thấp hơn bề mặt của nền sinh thổ của tường bao khoảng 0,55 - 0,6m. Cấu trúc của nền móng này gồm có hai lớp đá ngăn cách/và liên kết với nhau qua một lớp đất nện dày, cứng chắc, gồm:

Lớp móng đá 1: phủ trên bề mặt của cấu trúc kho thiêng và nền sinh thổ xung quanh, đã bị đào bóc mất chỉ còn lại một ở nửa phía tây - tây nam. Lớp này dày khoảng 0,12 - 0,15m, sử dụng đá có kích thước nhỏ (đường kính 12 - 15cm). Với phần còn lại có thể xác định

tạo nên góc bề vuông (cạnh bắc - nam 3,6m; đông - tây 4,3m, độ dày 0,15m - 0,2m). Bên dưới lớp móng đá 2 có lớp đất sét nện chặt (dày khoảng 0,02 - 0,05m) ngăn cách với cấu trúc kho thiêng.

Lớp móng đá 2 phủ lên trên lớp móng đá 1, trong tình trạng đã bị đào mất phần lớn chỉ còn lại một 1/4 tập trung ở góc tây nam.

Hình 3: Cấu trúc móng và kho thiêng ở di tích An Phú



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2024.

Với phần còn lại của hai lớp đá cho phép xác định được đặc điểm cấu trúc móng đá có kích thước quy chiếu từ tâm ra các cạnh là 3,6 x 4,3m (dài theo hướng đông - tây là 4,3m) với nhiều lần bề góc vuông; dày 0,15m - 0,2m). Trên cơ sở đo khoảng cách từ góc vuông của móng đá ra đến tường bao và quy chiếu đối xứng, có thể thấy cấu trúc nền móng đá này có quy mô chiều rộng vào khoảng 7m mỗi chiều và bề góc nhiều lần tạo cấu trúc xây chồm ra ngoài ở giữa mỗi cạnh của kiến trúc chình (Hình 3: a, b).

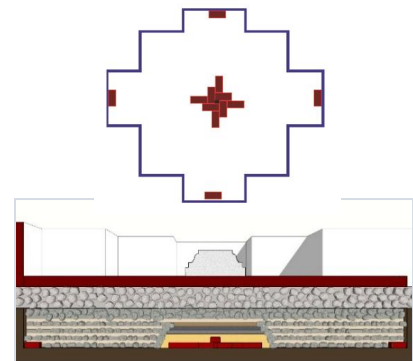
2.2.1.3. Cấu trúc kho thiêng

Cấu trúc kho thiêng (deposite sanstury) là một trong những cấu phần quan

trọng nhất của một kiến trúc đền thờ chịu ảnh hưởng từ văn hóa Ấn Độ.

Đây là cấu trúc được tạo dựng đầu tiên khi xây dựng một ngôi đền thờ liên quan đến nghi lễ đặt viên gạch đầu tiên khi xây dựng ngôi đền này. Theo đó, tại vị trí được lựa chọn có bề mặt nền đã được xử lý bằng phẳng, người xưa đào một hố sâu 0,6m có bình đồ hình vuông bề góc đối xứng nhau ở giữa các cạnh, tạo nên bốn phần xây nhô ra ở bốn hướng tạo thành bình đồ hình chữ thập có chiều dài bắc - nam 4,7m, đông - tây 4,2m. Vách đào cơ bản thẳng đứng, trong khi đó đoạn bề góc vuông ở các góc tây bắc (đã được kiểm chứng) có vách vát xiên thu nhỏ hơn xuống đáy (Hình 4).

Hình 4. Bản vẽ phục dựng bình diện và mặt cắt cấu trúc kho thiêng



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2024.

Tại các vị trí ở giữa cạnh bắc và cạnh tây của kho thiêng đã xác định được có đặt 1 viên gạch nằm ngang áp sát vào chân vách (kích thước gạch nhỏ so với gạch sử dụng phổ biến trong kiến trúc: 35,5 x 16,5 x 8,5cm). Quy chiếu đối xứng có thể suy luận ở hai cạnh còn lại ở phía đông và phía nam cũng có hình thức tương tự (Hình 3c; Hình 4).

Trung tâm là một cấu trúc xếp bằng gạch nằm trong không gian vòng tròn được kê chặt bằng đá tạo thành không gian hình tròn (đường kính 1,6m) thu nhỏ dần lên trên tạo hình vòm đến ngang bề mặt sinh thổ (đường kính còn 0,8m; cao 0,6m). Chính giữa ngay trên bề mặt đáy của vòng trung tâm là cấu trúc được xếp từ 8 viên gạch, gồm bốn viên xếp nổi theo kiểu đầu viên này nối tiếp vào giữa thân của viên tiếp theo tịnh tiến và để lại một đoạn chiều dài viên gạch nhô ra ngoài quay về 4 bốn hướng đông - tây - nam - bắc và xoay theo chiều kim đồng hồ, chính giữa để lại một ngấn nhỏ (rộng 9,5 x 4,8 x 8,6cm) đặt đồ ký cúng; Xen giữa mỗi góc vuông của hình chữ Vạn thứ nhất là bốn viên gạch xếp nổi theo kiểu đầu viên này nối vào với thân của viên tiếp theo để lại một đoạn chiều dài viên gạch nhô ra ngoài tạo vòng mở rộng và tịnh tiến tiếp tục tỏa ra bốn hướng. Trên tổng thể là một khối hình chữ Vạn - *Swastika* (卐) hai lớp xếp đan móc tạo sự liên kết liên tục và “xoay” quanh tâm là ngấn nhỏ ở giữa kho thiêng.

Gạch dùng cho cấu trúc hình chữ Vạn có kích thước lớn và đều nhau: 39 - 40 x 20 - 21 x 8,5 - 8,6cm. Trên bề mặt mỗi cạnh phía bắc, nam và tây của cấu trúc hình chữ Vạn có đặt 1 lá vàng nhỏ hình chữ nhật. Ở hướng đông có 2 lá vàng nhỏ. Trên bề mặt của tất cả các lá vàng này đều có khắc các ký tự cổ.

Ngấn trung tâm được đầy kín bằng 1 khối bê hình chữ nhật đầy kín. Bê này được chế tác cắt từ một viên gạch tương tự gạch sử dụng xếp thành hình chữ Vạn, có hình chữ nhật (16,5 x 11,5 x 8,6cm), đặc điểm quy cách được làm

tương tự hình chữ nhật của ngấn trung tâm song có tỷ lệ lớn hơn một chút để đầy kín lên trên đó. Trên bề mặt gạch, ở chính giữa đặt nhóm vật thờ bằng vàng là 1 chiếc bình nhỏ đặt trong lòng 1 bông hoa tám cánh làm bằng vàng. Dưới viên gạch là 1 miếng vàng lớn cắt hình chữ nhật có khắc bài kinh Duyên khởi bằng chữ Sanscrit cổ, trong ngấn này 60 hiện vật trang sức nhiều màu sắc như mặt nhẫn, vật đeo, hạt chuỗi bằng đá quý, thủy tinh cùng với nhiều mảnh vỡ bằng thủy tinh. Ngoài ra còn có 1 mảnh vàng vụn (Hình 5).

Hình 5. Cấu trúc trung tâm của kho thiêng



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2024.

Toàn bộ cấu trúc trung tâm của kho thiêng được lấp đầy bởi 2 lớp cát sạch, bên dưới là loại cát màu xám vàng dày đến 25cm có lẫn vụn than và chất kết cứng màu xám đen, lớp trên là loại cát/sạn đầu ruồi màu đen dày 8 - 10cm (đường kính hạt phổ biến trong khoảng 2 - 3mm). Phủ trên lớp cát là lớp đất lẫn cát, mảnh đá vụn nện chặt.

Không gian xung quanh cấu trúc trung tâm hình tròn của kho thiêng được xử lý gia cố chặt chẽ bằng các lớp đá và cát từ dưới lên tạo thành một khối nền vững chắc. Từ dưới lên lần lượt có 8 lớp kết cấu vật liệu khác nhau, gồm 4

lớp đá xen kẽ thứ tự bởi 4 lớp cát được xử lý nện chặt. Trong mỗi lớp đá có hiện tượng bị đốt cháy, rất nhiều viên đá có bám lớp xỉ/nhựa cây kết cứng bên ngoài màu nâu đen mà nhiều khả năng sử dụng một loại nhựa cây liên quan đến việc đốt lửa là một phần quan trọng trong nghi lễ đặt tạo dựng kho thiêng và linh thiêng hóa cho ngôi đền (nghi lễ có lễ gắn với lửa, các vật liệu thiêng liêng, những câu thần chú... được lần lượt thực hiện theo một quy trình chặt chẽ) (Hình 3c, 4, 5).

2.2.2. Di vật

Di vật phát hiện được ở di tích An Phú gồm các loại chất liệu đất nung, gốm, kim loại, đá, thủy tinh... gồm nhiều loại hình là vật liệu xây dựng, đồ gốm, đồ kim loại vàng, vật ký cúng là đồ trang sức bằng đá quý, thủy tinh. Qua công tác điều tra - sưu tầm còn thu thập được phần bệ thờ bằng sa thạch do người dân thu nhặt từ khu vực di tích An Phú.

2.2.2.1. Di vật đá

Nhóm hiện vật đá đáng chú ý được tìm thấy tại An Phú gồm 3 khối bệ làm bằng loại đá màu xám đen.

Cả ba khối cấu trúc đều có kích thước khá tương ứng với nhau có nhiều khả năng là các phần ghép lại của một bộ bệ thờ gồm phần bệ giắt cấp thu nhỏ dần lên trên, trên cùng đặt một tượng thờ có chốt gắn xuyên xuống.

Theo đó, nhiều khả năng bộ hình vuông có vòi dẫn nước giống bệ yoni là phần trên cùng trong cấu trúc của đài thờ được ghép lại từ nhiều phần. Bệ có hình vuông có vòi và rãnh dẫn nước có cấu trúc gồm hai phần thân vuông vắn

(cạnh dài 80 - 81cm, dày 27cm), vòi dài 18 - 19cm, rộng 32 - 22cm từ thân ra đầu vòi (Hình 6). Mặt trên có lòng giắt cấp hình vuông nối liền với phần vòi qua rãnh dẫn ra ngoài. Đặc điểm nổi bật của hiện vật này là dấu khớp gắn tượng trên mặt lòng giống với hai bàn chân, bên dưới là lỗ chốt hình tứ giác hoặc ô van nằm ngang khá lớn, tương thích với những thông tin được H. Maspéro (1919) mô tả chi tiết vào năm 1919, nên nhiều khả năng hiện vật này chính là “chậu tẩy thể” hay “bệ thoát nước thánh tẩy” (*snāna-dronī*) đã được nhắc đến với phần chân tượng Phật bằng đồng đứng trên đó (Hình 6).

Hình 6. Bệ thờ có vòi dẫn nước thiêng



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh, 2025.

Hình 7. Các phần của bệ thờ



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2024.

2.2.2.2. Di vật đất nung

* Vật liệu xây dựng

Vật liệu gạch bằng đất nung sử dụng tại di tích kiến trúc An Phú, gồm 2 loại:

- **Gạch hình chữ nhật** là loại gạch được sử dụng phổ biến trên toàn bộ các vị trí của di tích vòng tường bao cho đến cấu trúc hình chữ Vạn ở trung tâm của kho thiêng. Kích thước gạch: 38 - 40 x 18 x 20 x 6,0 - 6,5cm.

Bên cạnh đó, các viên gạch đặt ở đáy dọc theo các cạnh phía tây và bắc trong cấu trúc kho thiêng có kích thước nhỏ hơn.

Tại các vị trí ở giữa cạnh bắc và cạnh tây của kho thiêng đã xác định được có đặt 1 viên gạch nằm ngang áp sát vào chân vách, gạch có kích thước nhỏ hơn so với gạch sử dụng phổ biến trong kiến trúc (kích thước: 35,5 x 16,5 x 8,5cm).

- **Gạch hình vuông** có số lượng ít, được tìm thấy dọc theo bên ngoài các cạnh tường phía nam và tây nam. Gạch có đặc điểm chất liệu tương tự như gạch hình chữ nhật, kích thước cơ bản cũng thống nhất (với chiều dài và độ dày) của gạch hình chữ nhật vào khoảng 39 - 40cm mỗi cạnh, dày 6,0 - 6,5cm, nhiều khả năng sử dụng trang trí trên tường kiến trúc (cột giả hoặc đầu cột giả).

* Di vật gốm

Các nhóm mảnh gốm được tìm thấy bên ngoài chân tường bao phía bắc, đều ở dạng mảnh vỡ vụn. Các mảnh gốm là đất sét trộn nhiều cát hạt mịn màu nâu đỏ, nâu vàng, xương gốm thô.

Căn cứ vào đặc điểm kiểu dáng của các mảnh vỡ, có thể đoán định chúng thuộc các loại hình chủ yếu là đồ đựng dạng nôi/vò có thân hình cầu, vành miệng lớn.

2.2.2.3. Di vật kim loại

Có 16 di vật bằng kim loại vàng được tìm thấy, trong đó có 6 di vật phát hiện nằm lẫn trong các lớp gạch đổ ở bên ngoài chân tường bao phía nam phía tây (tây nam: 1). Số 10 tiêu bản di vật kim loại còn lại được tìm thấy trong cấu trúc hình chữ Vạn xếp bằng gạch ở trung tâm của kho thiêng.

* Nhóm mảnh vàng phát hiện bên ngoài chân tường bao

Bên ngoài chân tường bao phía nam lệch về góc đông nam tìm thấy 5 mảnh vàng vụn không có dấu vết chế tác tạo hình hay chạm khắc. Những hiện vật này được tìm thấy nằm lẫn lộn cùng với gạch đổ dồn ra bên ngoài chân tường.

* Nhóm hiện vật kim loại phát hiện trong cấu trúc kho thiêng

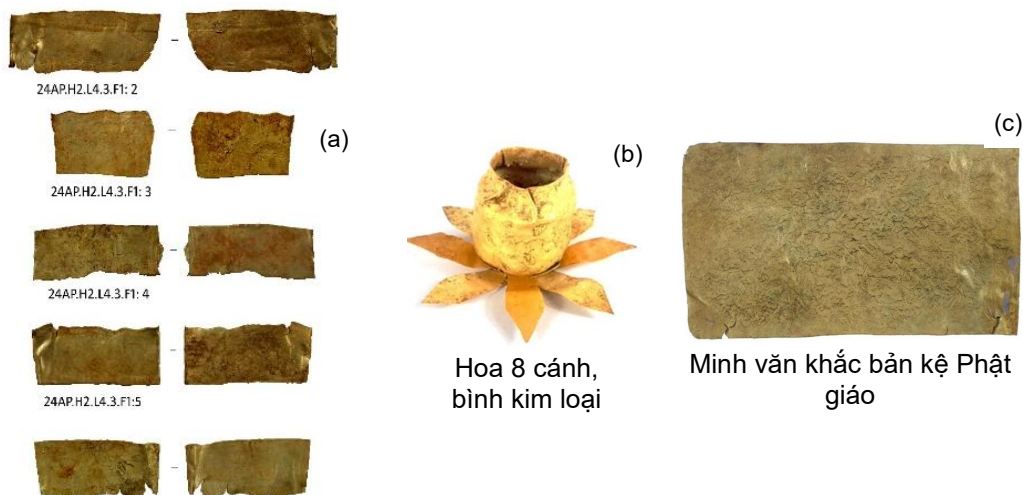
Những hiện vật là vật ký cúng phát hiện ở trung tâm của kho thiêng gồm 11 di vật bằng kim loại vàng được tìm thấy cùng với các hiện vật trang sức bằng thủy tinh, đá quý nhiều màu sắc và loại hình đa dạng khác nhau.

Trong số này hầu hết những tiêu bản đồ vàng tìm thấy được đặt ở phía trên khối cấu trúc xếp hình chữ Vạn (9 hiện vật), chỉ có 2 hiện vật nằm trong ngăn nhỏ ở trung tâm của kho thiêng bao gồm 1 lá vàng lớn hình chữ nhật có khắc ký tự Sanscrit đầy kín trên đó.

Sưu tập hiện vật bằng kim loại vàng trong cấu trúc kho thiêng gồm 3 nhóm:

Nhóm 1 - hiện vật bằng kim loại vàng đặt trên viên gạch ở trung tâm gồm - 1 chiếc bình nhỏ và 1 hoa tám cánh làm bằng vàng, có vị trí đặt trên khối bệ bằng gạch nhỏ đầy kín trên ngăn nhỏ chứa vật ký cúng (hình 8b).

Hình 8: Bộ di vật vàng lá phát hiện ở cấu trúc hình chữ Vạn – trung tâm kho thiêng



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2024.

Hiện vật 24AP.H2.L4.3.F1.4:1a là một chiếc bình nhỏ (cao 2,66cm; đường kính thân 2,40 - 2,57cm; đường kính miệng 1,93cm) có thân hình trụ tròn, đáy lồi nhẹ, vai tạo góc gãy với phần thân và thu nhỏ lên phần miệng bình. Miệng có dáng đứng hơi xiên khum vào trong, vành miệng tròn đơn giản. Chiếc bình được làm từ một lá vàng mỏng cắt thành miếng dài, được uốn tròn và cố định bởi các ngàm - khớp tán khít với nhau, phần miệng và đáy được gò tạo dáng. Trên mặt ngoài thân bình có khắc hàng ký tự cổ (Hình 8b). Trong lòng hiện vật có chứa ít mảnh than, 1 mảnh vàng và ít mẩu vàng vụn.

Hiện vật 24AP.H2.L4.3.F1.4:1b là bông hoa tám cánh gồm bốn lá vàng mỏng được cắt thuôn dài có hai đầu vát nhọn. Các lá vàng được ghép thành hai cặp, mỗi cặp là một loại vàng có sắc độ đậm - nhạt rõ nét, xếp vuông góc xen kẽ nhau và được chốt tán cố định ở trung tâm, tạo thành hoa tám cánh (5,7 x 5,7 x 0,02cm) (Hình 8b).

Nhóm 2 - nhóm lá vàng hình chữ nhật đặt trên cấu trúc chữ VẠN xếp bằng gạch: gồm 5 hiện vật được tìm thấy đặt ngay ngắn tại các chính hướng của chũra Vạn là hướng đông (2 hiện vật) - tây (1 hiện vật) - nam (1 hiện vật) và bắc (1 hiện vật). Các hiện vật là những lá vàng dát mỏng đều (dày 0,01cm), được chế tác khá thống nhất với nhau khi cắt thành hình cơ bản hình chữ nhật với đặc điểm hình dáng thống nhất với nhau (2,19 - 3,2 x 1,0 - 1,28cm). Trên một bề mặt của mỗi lá vàng đều có khắc các ký tự Sanscrit (Hình 8a).

Nhóm 3 - lá vàng khắc bản kinh Phật: gồm 1 hiện vật, được tìm thấy nằm bên dưới viên gạch đáy kín trên ngăn nhỏ ở trung tâm của kho thiêng - nơi đặt các vật ký cúng của cấu trúc kho thiêng của di tích kiến trúc An Phú (Hình 8c).

Hiện vật là một lá vàng được cắt tạo hình chữ nhật vuông vắn (10,0 x 5,5 x 0,01cm), trên một bề mặt có khắc ký tự cổ tiếng Sanskrit, qua so sánh đặc

điểm tự dạng với văn khắc trên hai hiện vật phù điêu bằng đá phát hiện ở Ayunpa, Gia Lai, cho thấy cơ bản nội dung giống nhau. Hai bản minh văn này đã được tiến sĩ người Ấn Độ là K. V. Ramesh nghiên cứu phiên dịch, theo đó đây là một bài kinh Phật giáo có niên đại thế kỷ VI - VII (dẫn theo Nguyễn Thị Kim Vân và cộng sự, 2019: 307). Nội dung bản khắc trên văn bia Ayunpa có đặc điểm tự dạng tương tự với bản khắc trên lá vàng ở An Phú như sau:

“1. Yè dharmamā hetu prathavā tēshain; 2. Hētun Thatāgatō hy avadat tēshā; 3. N-cha jo nirodhō èvain; 4. Vādi Mahāsramanah”.

được dịch là: *“1. Đạo pháp là căn nguyên; 2. Đức chân thiện cũng nói về căn nguyên; 3. Dù không còn sự hiện hữu; 4. (Đấng) Đại Sa Môn đã nói như thế”.* Với tự dạng trên bản khắc ở lá vàng phát hiện trong cấu trúc kho thiêng của di tích Gò Xoài (Long An) cũng tương tự và được phiên dịch với nội dung tương tự (Hà Văn Tấn, 1994: 318-319).

Đây là nội dung của bài **‘Kinh duyên khởi’** của Phật giáo, cũng tương tự với tự dạng và nội dung của bản văn khắc trên lá vàng tìm thấy ở di tích Gò Xoài (Long An), đồng thời cũng xuất hiện khá phổ biến ở khu vực Đông Nam Á (Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2025: 55-56).

2.2.2.3. Di vật đá quý, thủy tinh

Là những vật ký cúng đặt trong ngăn nhỏ ở trung tâm của cấu trúc kho thiêng, gồm 60 hiện vật cùng với nhiều mảnh vỡ, gồm các loại hình mặt nhẫn

(33 hiện vật), vật đeo (9 hiện vật), hạt chuỗi (17 hiện vật), được làm chủ yếu bằng thủy tinh (55 hiện vật) và đá quý (5 hiện vật) (Hình 9, 10).

Hình 9. Mặt nhẫn, mặt đeo



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2024.

Hình 10. Hạt chuỗi, vật đeo



Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh và cộng sự, 2024.

- **Nhóm hiện vật mặt nhẫn, mặt đeo:** cơ bản đều được làm bằng thủy tinh, có hình dáng khá đa dạng, gồm hình ô-van, hình vuông, hình tròn; nhiều màu sắc khác nhau như xanh lục bảo, xanh lơ, xanh lá cây, nâu đỏ, xanh lam, xanh rêu. Trên nhiều hiện vật thuộc nhóm này thường có bề mặt mòn hoặc sứt mẻ do quá trình sử dụng, đáng chú ý là nhiều hiện vật là mặt nhẫn hoặc hạt đeo có dấu vết mẻ hoặc bị cắn do tác

động bằng lực mạnh khả năng là chúng được lấy ra trực tiếp từ vật trang sức để đặt vào ngăn ký cứng (?) (Hình 9).

- **Nhóm hạt chuỗi** có 17 hiện vật, được làm chủ yếu bằng thủy tinh đơn sắc (16 hiện vật) và chỉ có 1 hiện vật được làm bằng thủy tinh nhiều màu.

Thủy tinh đơn sắc: gồm các hạt có kích thước nhỏ và hình trụ tròn dẹt, được làm bằng kỹ thuật kéo ống kết hợp cắt.

Thủy tinh nhiều màu: 1 hiện vật là hạt chuỗi hình ô van có màu nâu sẫm, giữa thân có kết hợp hai màu trắng đục và đen bằng kỹ thuật quấn - ép tạo nên hạt chuỗi 3 màu có các vân đen trắng nằm ngang (Hình 10).

- **Nhóm hạt đeo có xỏ dây**: gồm 8 hiện vật, là những vật đeo có lỗ xỏ dây ngang ở một đầu với đặc điểm như loại medal. Những hiện vật thuộc nhóm này thường có dạng hình quả lê nhỏ hoặc hình giọt nước (dài 1,0 - 1,1cm), được làm bằng thủy tinh (4 hiện vật) màu xanh dương đậm và bằng đá quý - nhiều khả năng là garnet (4 hiện vật) có màu nâu đậm. Nhóm hiện vật đồ trang sức là các hạt đeo, mặt nhẵn, bằng thủy tinh, đá quý nhiều màu sắc có thể được lý giải là các biểu hiện cụ thể cho vũ trụ mà màu sắc của chúng ứng với các hành tinh và các vị thần/Phật (Hình 10).

3. MỘT SỐ NHẬT XÉT

3.1. Đặc trưng di tích

Kết quả khai quật di tích An Phú năm 2024 đã làm rõ cơ bản cấu trúc nền móng của một ngôi đền thờ có bố cục trong khuôn khổ hình vuông nhiều khả năng có cửa quay về phía đông gồm phần cấu trúc móng đá và một phần

còn lại của các lớp gạch xây dựng kiến trúc trên đó.

Về tổng thể cấu trúc, kết quả khai quật đã xác định được kiến trúc An Phú có cấu trúc hình chữ Vạn nằm ở trung tâm kho thiêng, cấu trúc kiến trúc chính và vòng tường bao có cấu trúc bề góc cân đối đều có sự quy chiếu từ chính trung tâm này. Do vậy, kiến trúc này từ trung tâm ra ngoài được tạo nên từ những “vòng lặp lại” từ khởi đầu đến những hạng mục ở tỷ lệ lớn hơn, đó là sự thống nhất chặt chẽ của mô hình mandala. Theo đó, kiến trúc này bắt đầu từ trung tâm là cấu trúc kho thiêng hình chữ Vạn được tạo dựng đầu tiên (nghỉ lễ đặt viên gạch/đá đầu tiên) cho đến đặc điểm bình đồ nền móng kiến trúc chính và vòng tường bao hình vuông có các phần nhô ra ở giữa mỗi cạnh là sự lặp theo tỷ lệ lớn dần từ trong ra ngoài, phát triển nở rộng của các hạng mục kiến trúc trong một tổng thể thống nhất. Tất cả các đường trung tuyến ngang - dọc, các đường cắt từ các cạnh và góc của kiến trúc này đều quy về tại vị trí trung tâm của cấu trúc kho thiêng. Về mặt ý nghĩa này trong trường hợp gắn với một ngôi đền thờ Phật giáo như ở An Phú, cấu trúc kho thiêng chính là trung tâm hấp thụ tinh túy của Vũ trụ cũng như nơi lan tỏa cho các vòng lặp xung quanh nó từ trong ra ngoài trong sự vận động biến hóa nhưng thống nhất của mandala.

Về nội dung di tích cấu trúc kho thiêng được xây âm bên dưới ngay trung tâm của kiến trúc chính, trung tâm là một chữ vạn được xếp từ 8 viên gạch chừa lại ngăn trống ở chính giữa (nơi đặt vật ký cứng là các hạt đá quý, thủy tinh

nhiều màu sắc), xung quanh được bao bọc bởi một vòng tròn (đường kính 1,6m), ở mỗi đầu nhô ra của kho thiêng có đặt 1 viên gạch. Cấu trúc này tương thích với những mô tả trong Kāśyapaśilpa là một văn bản Phạn ngữ (Sanskrit) là văn bản cổ mô tả chi tiết quy định chặt chẽ của xây dựng một đền thờ trong văn hóa Ấn Độ, cụ thể là nghi lễ đặt viên gạch/đá đầu tiên với các vật ký cúng bên trong đó có niên đại từ khoảng thế kỷ VII đến thế kỷ XII (Anna S., 2006: 4). Trung tâm của kho thiêng hình chữ Vạn bao quanh trong vòng tròn có lẽ chính là hình dạng cơ bản của Vastupurashamandala với hình vuông tượng trưng cho Trái Đất, cho sự bền vững và hình tròn tượng trưng cho Vũ trụ, gợi ý cho sự vô hạn trường tồn.

Đặc điểm cấu trúc hình chữ Vạn ở trung tâm kho thiêng được xếp từ 8 viên gạch tạo thành, khối bệ hình chữ nhật chế tác từ một viên có quy cách tỷ lệ tương tự như ngấn kho thiêng ở trung tâm đây kín trên ngấn này. Chính giữa bề mặt khối bệ có 1 chiếc bình vàng đặt trong lòng hoa sen 8 cánh, các lá vàng nhỏ đặt ở trên bề mặt của hình chữ Vạn, toàn bộ cấu trúc này nằm trong hình vòng tròn tương thích cao với mô tả chi tiết trong văn bản Sanskrit (Ấn Độ) cho nghi lễ quan trọng thiêng liêng hóa vùng đất để xây dựng ngôi đền Hindu giáo/Phật giáo.

Nội dung bản văn khắc trên lá vàng là kinh *Dyên khởi* cùng với tập hợp hơn 60 vật trang sức bằng đá quý, thủy tinh nhiều màu tìm thấy trong ngấn chứa vật ký cúng. Một hiện vật đáng chú ý tìm thấy trong ngấn trung tâm của kho

thiêng là hạt chuỗi thủy tinh nhiều màu phát hiện ở đáy của ngấn trung tâm cấu trúc kho thiêng có màu nâu nhạt kết hợp với hai màu khác là đen - trắng bằng kỹ thuật quấn - ép là hiện vật rất khác lạ. Những nghiên cứu đối sánh hiện nay cho thấy, loại hạt chuỗi này có đặc điểm gần gũi với các hạt chuỗi được tìm thấy ở Tây Tạng (Hình 10).

Trong quan niệm tín ngưỡng - tôn giáo Ấn Độ thì các loại đồ trang sức bằng đá quý, thủy tinh nhiều màu sắc cùng với mảnh vàng vụn, vàng là những chất liệu quý, chính là sự thể hiện cho cát tường, cũng như đại diện cho các vị tinh tú trong Vũ trụ, được dùng trong nghi lễ dâng cúng mandala.

Các cấu trúc di tích và đặc điểm di vật chôn theo trong kho thiêng có sự tương thích cao với quan niệm trong Phật giáo Mật Tông (Kim Cương thừa) về Ngũ Trí Phật hay Ngũ Phương Phật. Theo đó, Ngũ Trí Phật cũng tương ứng với một màu sắc khác nhau, cụ thể gồm: Trung tâm là Tỳ Lư Giá Na Phật (Đức Phật Vairochana) - màu trắng; phía bắc là Bất Không Thành Tựu Phật (Đức Phật Amoghasiddhi) - màu xanh lục; phía Nam là Bảo Sinh Phật (Đức Phật Ratnasambhava) - màu xanh dương; phía đông là A Súc Bệ Phật (Đức Phật Akshobhya) - màu xanh dương; phía tây là Phật A Di Đà (Đức Phật Amitabha) - màu đỏ.

Ngoài ra, nhóm đồ trang sức nhiều màu sắc khác nhau bằng đá quý, thủy tinh ở ngấn đặt đồ ký cúng tại trung tâm của cấu trúc hình chữ 'vạn' cũng đồng thời có thể là biểu hiện của các vị thần hộ trì của Phật pháp (bát phương hộ thế Phật) cũng như có gắn với các vị tinh tú theo

quan niệm của Ấn Độ cổ đại về Vũ trụ khi gắn liền với màu sắc của các vì tinh tú của hệ Mặt trời (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, Trái đất, Diêm Vương, Hải Vương).

3.2. Niên đại

Niên đại của di tích An Phú được xác định dựa trên phân tích đặc điểm cấu trúc kiến trúc và những di vật phát hiện tại di tích cũng như thông qua so sánh - đối chiếu với các di tích có liên quan phát hiện ở Tây Nguyên và trong các di tích kiến trúc Champa ở duyên hải miền Trung, cụ thể như sau:

Về đặc điểm loại hình kiến trúc, kỹ thuật xây dựng và quy cách sử dụng vật liệu kiến trúc, có thể thấy kiến trúc An Phú có sự tương đồng cao với kiến trúc Bang Keng (Ayunpa, Gia Lai), một kiến trúc tôn giáo được xác định niên đại vào khoảng thế kỷ VII - VIII (Nguyễn Quốc Mạnh, 2012: 69-70).

Đặc điểm hình dáng, cấu trúc của nhóm hiện vật bệ thờ gồm nhiều phần ghép lại phát hiện tại khu vực An Phú được tái định vị nhiều khả năng thuộc về chính di tích này với dấu tính hai bàn chân trên bề mặt của khối bệ trên cùng cũng cho thấy thuộc về niên đại sớm hơn. Đặc điểm hiện vật bệ thờ có vòi thoát nước thánh tẩy (*snāna - dronī*). Đặc điểm cấu trúc hình khối vuông của bệ thờ và vòi thoát nước này gần gũi với các bệ thờ, bệ linga - yoni phát hiện ở di tích Mương Mán (Bình Thuận), Hòa Lai (Ninh Thuận), Cẩm Mít, Khuê Trung (Đà Nẵng) được xác định niên đại khoảng thế kỷ VII - VIII, cũng như

gần gũi với các hiện vật cùng loại ở Mỹ Sơn A10 (Quảng Nam) (Hình 11).

Hình 11: Một số hiện vật linga yoni Champa so sánh với bệ thờ An Phú



Linga yoni Hòa Lai (Ninh Thuận)
(Hiện vật Bảo tàng tỉnh Ninh Thuận)



Bệ yoni Khuê Trung (Đà Nẵng)
(Hiện vật Bảo tàng Chăm Đà Nẵng)



Linga - yoni Mỹ Sơn A10
(Quảng Nam)



Linga yoni Cẩm Mít (Đà Nẵng)
(Hiện vật Bảo tàng Chăm Đà Nẵng)

Nguồn: Nguyễn Quốc Mạnh, 2025.

Về tư liệu di tích kiến trúc Phật giáo ở Tây Nguyên có thể liên hệ với minh văn Phật giáo ở di tích Kon Klor, thành phố Kon Tum (cũ), chỉ cách xa di tích An Phú khoảng 50 ki-lô-mét về phía bắc, minh văn này có niên đại được xác định năm 914CN (Hickey, 1982: 91-93).

Tư liệu bản minh văn khắc nội dung kinh Duyên khởi trên lá vàng tìm thấy ở gần trung tâm của kho thiêu [hiện vật 24AP.H2.L4(3). F1(4): 7] có thể so sánh với hai bản minh văn Phật giáo phát hiện ở Ayunpa có cùng nội dung được xác định niên đại thế kỷ VI - VII (Hà Văn Tấn, 2001: 51-54). Liên quan đến hai bản minh văn này, có ý kiến cho rằng hai hiện bức phù điêu có minh văn Phật giáo tìm thấy ở Ayunpa chính là có xuất xứ từ di tích kiến trúc cổ Bang Keng (Nguyễn Thị Kim Vân và cộng sự, 2019: 309).

Các tư liệu hiện vật Phật giáo phát hiện ở Tây Nguyên như tượng Bồ tát ở chùa Bửu Minh (Biển Hồ, Gia Lai), di tích kiến trúc với đầu tượng Avalokitesvara ở Hòa Thành, các phù điêu Phật bằng đất nung ở Ea Trul (Đăk Lăk)... đều có niên đại vào khoảng thế kỷ VII - X (Nguyễn Quốc Mạnh, 2024: 70).

Niên đại trên đây của di tích An Phú chắc chắn sẽ cần thêm nhiều cứ liệu và tiếp tục nghiên cứu sâu đối với tư liệu mới phát hiện để có thể nhận diện một cách đầy đủ và thuyết phục hơn, song dựa trên những nghiên cứu - so sánh bước đầu đối với các tư liệu trên đây, có thể đề xuất niên đại khởi đầu cho di tích kiến trúc An Phú vào khoảng thế kỷ VII - VIII và kéo dài cho đến thế kỷ X.

3.3. Quan hệ văn hóa

Phát hiện cấu trúc kho thiêng xây chìm dưới nền móng kiến trúc chính có dạng bệ góc nhiều lần được gia cố bằng cát - đá. Trung tâm là cấu trúc hình chữ vạn được xếp bằng gạch với các vật ký cúng phản ánh nội dung Phật giáo rất rõ nét. Đây là một trong những tư liệu đầu tiên và đầy đủ nhất về nghi lễ đặt viên gạch đầu tiên, bao gồm các bước khác nhau nhằm linh thiêng hóa cho vùng đất - nơi được chọn để xây dựng lên ngôi đền thờ mang đậm dấu ấn nghi lễ tôn giáo có nguồn gốc Ấn Độ mà cho đến tận ngày nay vẫn được thực hành khi xây dựng các ngôi đền Hindu giáo hay Phật giáo (lễ đặt seima).

Cấu trúc kho thiêng ở di tích An Phú là phát hiện lần đầu tiên đối với loại hình di tích này trên địa bàn Tây Nguyên, song lại được tìm thấy phổ biến trong

các di tích kiến trúc văn hóa Champa ở duyên hải miền Trung Việt Nam và trong loại hình di tích kiến trúc tôn giáo thuộc văn hóa Óc Eo - hậu Óc Eo ở Nam Bộ và trong nhiều di tích kiến trúc đồng đại ở khu vực Đông Nam Á.

Với các di tích thuộc văn hóa Champa ở dải đất miền Trung Việt Nam, cấu trúc kho thiêng di tích An Phú có sự tương đồng cao với di tích kho thiêng của kiến trúc đền - tháp Champa ở Phong Lệ, Cẩm Mít (Đà Nẵng), Po Nagar (Nha Trang), Hòa Lai (Ninh Thuận), đặc biệt là với kho thiêng phát hiện ở di tích Phật giáo Đại Hữu (Quảng Bình), nơi cũng tìm thấy tượng Avalokitesvara bằng đồng thau thế kỷ IX, hiện trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử TPHCM.

Với Nam Bộ, đặc điểm cấu trúc kho thiêng của di tích An Phú có nhiều điểm tương đồng với cấu trúc kho thiêng thuộc giai đoạn muộn văn hóa Óc Eo như Chùa Lò Gạch (Trà Vinh), Gò Xoài (Long An) là những kiến trúc Phật giáo có niên đại thế kỷ VIII - IX (Nguyễn Quốc Mạnh, 2016: 67-68). Trong đó, trong kho thiêng của di tích Gò Xoài - nơi tìm thấy bản minh văn khắc nội dung là bản 'Kệ Pháp thân' bằng hệ chữ Pali lai theo nhận định của Hà Văn Tấn (1994: 318-319).

Ngoài ra, đặc điểm loại hình kiến trúc ở di tích An Phú cho thấy có mối liên hệ gần gũi với các di tích kiến trúc tôn giáo đồng đại như Proh I, Proh II (Lâm Đồng), Bang Keng (Ayunpa, Gia Lai), Thành Chas (Bình Định) cho thấy khả năng trên địa bàn Trường Sơn - Tây Nguyên đã từng phát triển loại hình kiến trúc tôn giáo có sự tương đồng về

mặt kỹ thuật kiến trúc, nghệ thuật tạo hình và nội dung tôn giáo với các kiến trúc tôn giáo trong văn hóa Champa.

Tuy nhiên, so sánh chi tiết hơn đặc điểm bình đồ kiến trúc và phương thức kỹ thuật xử lý kết cấu kiến trúc ở An Phú có sự gần gũi cao với di tích Bang Keng song có sự khác biệt lớn so với các kiến trúc thuộc văn hóa Champa ở Nam Trung Bộ.

Bên cạnh đó, đặc điểm cấu trúc trung tâm kho thiêng hình chữ Vạn xếp từ 8 viên gạch cùng bộ ký cúng kèm theo cũng lần đầu tiên được biết đến, khác biệt nhiều so với các cấu trúc kho thiêng trong kiến trúc tôn giáo Champa đã được phát hiện ở Đại Hữu (Quảng Bình), Phong Lệ, Cẩm Mít (Đà Nẵng), Po Nagar (Nha Trang), Hòa Lai (Ninh Thuận).

Các tư liệu văn khác, đặc điểm bình đồ và nội dung tôn giáo cho thấy, kiến trúc An Phú mang những yếu tố đặc trưng của Phật giáo Mật Tông, vốn cũng đã từng phát triển mạnh mẽ, đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần của cư dân văn hóa Champa như đã thấy tại quần thể phế tích Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam) có niên đại vào khoảng thế kỷ IX - X.

Đặc điểm bình đồ của kiến trúc An Phú có những biểu hiện tiêu biểu của mô hình cấu trúc mandala cũng như có thể liên hệ với Phật giáo Mật Tông. Đây là tư liệu rất mới, lần đầu tiên được tìm thấy ở Tây Nguyên cũng như vùng duyên hải miền Trung Việt Nam nên cần được tiếp tục nghiên cứu sâu để làm rõ. Đây cũng là lần đầu tiên chúng ta biết đến một cấu trúc kho thiêng hình

chữ Vạn với chiếc bình đặt ở trên và bản khắc kinh duyên khởi đặt trên ngăn trung tâm với các vật trang sức nhiều màu phản ánh đầy đủ đặc điểm quy cách quy chuẩn nhất đối với việc tạo dựng kho thiêng liên quan đến nghi thức quan trọng đầu tiên được thực hiện khi xây dựng một đền thờ mới mang đậm ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ.

Phát hiện này không chỉ bổ sung thêm tư liệu cho nghiên cứu về các vấn đề nghệ thuật kiến trúc tôn giáo, quan hệ văn hóa - tín ngưỡng... mà còn mở ra hướng nghiên cứu mới về sự xuất hiện và vai trò của Phật giáo ở Tây Nguyên trong mối quan hệ kinh tế - văn hóa - xã hội với miền duyên hải Nam Trung Bộ và khu vực vào nửa cuối thiên niên kỷ I sang đầu thiên niên kỷ II.

Trường hợp niên đại của An Phú tương đương hoặc sớm hơn so với niên đại của các trung tâm Phật giáo thuộc văn hóa Champa ở miền Trung sẽ đặt ra vấn đề liệu chăng Phật giáo đã có mặt vào miền đất Tây Nguyên trước. Khi đó, từ miền cao nguyên người xưa di chuyển men theo các con đường kết nối xuống miền đồng bằng, theo các tuyến sông, qua các con đèo để trao đổi, buôn bán thì Phật giáo cũng theo chân họ mà lan tỏa và đã phát triển nhanh chóng miền duyên hải miền Trung Việt Nam (?).

Mặc dù để đi đến nhận thức sau cùng cần nhiều nghiên cứu sâu rộng hơn trong tương lai, song có thể nói phát hiện di tích kiến trúc đền thờ Phật giáo ở An Phú là phát hiện rất đặc sắc, đem lại nguồn tư liệu mới giúp cho chúng ta lần đầu tiên biết đến một di tích kiến trúc còn lại rõ nét cấu trúc nền móng

với đặc điểm bình đồ của một ngôi đền Phật giáo hoàn chỉnh. Đền thờ này có các hạng mục cấu trúc xây dựng gồm các lớp/vòng lặp lại xoay quanh một trung tâm theo mô hình Mandala.

4. THAY LỜI KẾT

Kết quả nghiên cứu tư liệu hiện trường khai quật di tích An Phú có một số kết luận bước đầu được rút ra như sau:

An Phú là kiến trúc đền thờ Phật giáo có cấu trúc tuân thủ chặt chẽ mô hình mandala, trung tâm là cấu trúc hình chữ Vạn gắn với nghi lễ đặt viên gạch đầu tiên để linh thiêng hóa cho ngôi đền.

Phân tích đặc điểm cấu trúc kho thiêng và các di vật ký cúng tìm thấy trong đó cho thấy nhiều khả năng gắn với Ngũ Phương Phật (hay Ngũ Trí Phật).

Đặc điểm mô hình kiến trúc cùng với di vật phát hiện được ở An Phú cho thấy

niên đại của di tích vào khoảng thế kỷ VIII - X, là kiến trúc Phật giáo sớm nhất được biết đến cho đến nay ở địa bàn Tây Nguyên và miền duyên hải Nam Trung Bộ.

Tư liệu mới phát hiện và những kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy giá trị và vai trò quan trọng của An Phú, góp phần nghiên cứu và nhận thức đối với các vấn đề lịch sử kinh tế - văn hóa - xã hội ở Tây Nguyên giai đoạn nửa cuối thiên niên kỷ I Công nguyên. Đặc biệt là gợi lên hướng nghiên cứu mới về lịch sử Phật giáo trên miền đất này và khu vực, về vị trí - vai trò của nó trong tiến trình xâm nhập và phát triển của Phật giáo Mật Tông cũng như mối quan hệ và đặc điểm dấu ấn văn hóa Champa đối với miền đất này trong lịch sử. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Anna Alexksandra Slaczka. 2006. *Temple Consecration Rituals in Ancient India Text and Archaeology*. Doctoral Thesis. Poland.
2. Dournes, Jacques. 1977. *Pơ Tao: một lý thuyết về quyền lực ở người Jor Rai ở Đông Dương* (Bản in năm 2022 - Nguyễn Ngọc dịch từ bản tiếng Pháp). Hà Nội: Nxb. Tri thức.
3. Hà Văn Tấn. 1994. "Từ minh văn trên lá vàng ở Gò Xoài (Long An), bàn thêm về Pháp thân kệ", trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1993*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 318-319.
4. Hà Văn Tấn. 2001. *Chữ trên đá chữ trên đồng*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
5. Henri Parmentier. 1909. *Inventaire des monuments Cham de l'Annam*. BEFEO (Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient), tập I.
6. Hickey, G.C. 1982. *Sons of the Mountains: Ethnohistory of the Vietnamese Central Highland to 1954*. New Haven and London, Yale University Press (Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Thanh Xuân).
7. Maspéro, Henri. 1919. *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient*, Année 1919, No.19, pp. 87-127.
8. Nguyễn Quốc Mạnh, Lê Thanh Tuấn, Nguyễn Nhật Phương, Hồ Xuân Toàn, Huỳnh Bá Tính, Phạm Đình Phúc, Đặng Thị Bé Châu, Tăng Sến, Nguyễn Thị Trúc Phương, Nguyễn Anh Minh, Hà Ngọc Duẩn. 2023. *Báo cáo khoa học kết quả khai quật di tích An Phú (xã An*

Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Tài liệu Bảo tàng Pleiku.

9. Nguyễn Quốc Mạnh, Lê Hoàng Phong, Nguyễn Nhật Phương, Đặng Ngọc Kính, Hồ Xuân Toàn, Huỳnh Bá Tính, Lâm Kiêm Lợi, Đặng Thị Bé Châu, Nguyễn Thị Trúc Phương, Hà Ngọc Duẩn. 2024. *Báo cáo khoa học kết quả khai quật di tích An Phú lần 2 (xã An Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai - năm 2024)*. Tài liệu Bảo tàng Pleiku.

10. Nguyễn Quốc Mạnh. 2024. “Di tích Phật giáo cổ ở Tây Nguyên - Tư liệu và phát hiện mới”. *Tạp chí Khoa học xã hội TPHCM*, số 10/2024, tr. 60-71.

11. Nguyễn Quốc Mạnh, Trần Kỳ Phương, Lê Thanh Tuấn, Lê Hoàng Phong, Đặng Ngọc Kính và Nguyễn Nhật Phương. 2025. “Khai quật phế tích kiến trúc An Phú (thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai)”. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 1/2025, tr. 43-60.

12. Nguyễn Thị Kim Vân. 2019. *Lịch sử Gia Lai từ nguồn gốc đến năm 1975*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.